

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/DS-ST

Ngày: 09-9-2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1952;
- Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1953;
- Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990;
- Bà Lê Thị Thúy L, sinh năm 1988.

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Phạm Thị T2, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T2: bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Bà N xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Năm 2014, bà đại diện hộ kinh doanh (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh số: 55D8 002785, mẹ của bà là bà Phạm Thị T2 trực tiếp mua bán thức ăn và ghi sổ nợ với khách hàng, còn bà thực hiện việc theo dõi sổ sách, cộng sổ đi nhắc nhở khách hàng trả nợ. Bà làm có hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với hộ ông Nguyễn Văn S, với mục đích chăn nuôi heo để phát triển kinh tế và chăm lo đời sống gia đình, hình thức hợp đồng thỏa thuận bằng lời nói, thực hiện hợp đồng với phương thức bà giao thức ăn gia súc cho hộ ông S, có sổ theo dõi, có khách hàng ký xác nhận. Phương thức thanh toán: hộ ông S sẽ thanh toán tất tiền thức ăn gia súc khi heo xuất chuồng khoảng 6 tháng.

Ngày 04/11/2022 âm lịch (nhằm ngày 27/11/2022 dương lịch) bà tổng kết sổ tiền nợ thức ăn của gia đình ông S là 86.466.000 đồng. Sau đó ngày 06/11/2022 âm lịch (nhằm ngày 29/11/2022 dương lịch) gia đình ông S trả 35.000.000 đồng và ngày 15/11/2022 âm lịch (nhằm ngày 08/12/2022 dương lịch) trả được 1.000.000 đồng. Việc xác nhận nợ ngày 15/11/2023 âm lịch còn nợ 50.466.000 đồng là do bà ghi sổ để đến nhà nhắc nợ và cho bị đơn ký tên xác nhận tổng nợ nhưng bị đơn không ký. Do vậy, đến ngày 28/12/2022 dương lịch bị đơn còn nợ là 50.466.000 đồng.

Khi heo xuất chuồng hộ ông S không thanh toán hết cho bà giống như đã thỏa thuận. Bà đã đến nhà hộ ông S nhắc nhở rất nhiều lần nhưng gia đình ông S chỉ hứa hẹn mà không trả, khi đó thì ông bà 6 S còn nói giao nợ lại cho vợ chồng Ng trả nhưng thực tế ban đầu bà và vợ chồng ông Ng không có liên hệ giao kết hợp đồng, mà chỉ ký nhận thức ăn và ký nợ vì là thành viên trong gia đình và sổ thức ăn ban đầu là ghi tên “6 S”.

Do đó, nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Tr, ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L liên đới trả số tiền tổng cộng là 62.194.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc do mua thức ăn gia súc là 50.466.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 08/12/2022 đến khi xét xử vụ án, tạm tính đến ngày 28/4/2025 (28 tháng) là 11.728.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 22/8/2025, ngày 09/9/2025 và đơn xin vắng mặt ngày 27/8/2025, bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Võ Văn S và bà Lê Thị Tr có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Bà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và

bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 50.466.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử là ngày 09/9/2025 (33 tháng 01 ngày) theo mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 13.836.500 đồng. Tổng số tiền ông Ng, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả là 64.302.500 đồng.

**Theo bản tự khai ngày 15/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn Ng trình bày:*

Ông không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 62.194.000 đồng, ông chỉ nợ nguyên đơn số tiền 50.466.000 đồng. Ban đầu, người chăn nuôi là bà Lê Thị Tr và ông Nguyễn Văn S, bên bán thấy ông S và bà Tr không có khả năng trả nợ nên sang lại ông nuôi, ông mua thức ăn từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên đơn yêu cầu ông trả tiền nợ gốc và tiền lãi thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số nợ gốc 50.466.000 đồng.

**Theo bản tự khai ngày 15/5/2025, bị đơn bà Lê Thị Thúy L trình bày:*

Bà không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 62.194.000 đồng, bà chỉ thiếu nguyên đơn số tiền 50.466.000 đồng. Ban đầu, người chăn nuôi là bà Lê Thị Tr và ông Nguyễn Văn S, bên bán thấy ông S và bà Tr không có khả năng trả nợ nên sang lại ông Nguyễn Văn Ng nuôi, bà mua thức ăn từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên đơn yêu cầu bà trả tiền nợ gốc và tiền lãi thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số nợ gốc 50.466.000 đồng.

Các bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông S, bà Tr.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N, buộc ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.466.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Tr, ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L trả tiền nợ do mua thức ăn, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Tr, ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nơi cư trú tại ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nghi theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Tr, ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông S, bà Tr, ông Ng và bà L vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S, bà Tr, ông Ng và bà L theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 50.466.000 đồng, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy ghi nợ các ngày 04/11/2022 âm lịch (tức ngày 27/11/2022 dương lịch), 06/11/2022 (tức ngày 29/11/2022 dương lịch) và 15/11/2022 âm lịch (tức ngày 08/12/2022 dương lịch).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc mua bán thức ăn chăn nuôi là 50.466.000 đồng dựa theo giấy ghi nợ các ngày 04/11/2022 âm lịch (tức ngày 27/11/2022 dương lịch), 06/11/2022 (tức ngày 29/11/2022 dương lịch) và 15/11/2022 âm lịch (tức ngày 08/12/2022 dương lịch). Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của bà L từ năm 2018 và còn nợ lại số tiền 50.466.000 đồng. Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn của nguyên đơn là 50.466.000 đồng, lời thừa nhận nợ này cũng phù hợp với chứng cứ là giấy ghi nợ các ngày 04/11/2022 âm lịch (tức ngày 27/11/2022 dương lịch), 06/11/2022 (tức ngày 29/11/2022 dương lịch) và 15/11/2022 âm lịch (tức ngày 08/12/2022 dương lịch) do nguyên đơn cung cấp nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu

cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 50.466.000 đồng khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên bản xác minh ngày 09/7/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long thể hiện ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990 và bà Lê Thị Thúy L, sinh năm 1988, cùng cư trú tại ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/3/2014, hiện tại, ông Ng và bà L chưa ly hôn. Như vậy, ông Ng và bà L là vợ chồng hợp pháp. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình” và tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ, chồng là nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Theo đó, việc mua thức ăn để chăn nuôi là nhằm tạo ra thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông Ng và bà L đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn tiền mua thức ăn chăn nuôi và đồng ý trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 50.466.000 đồng từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử là ngày 09/9/2025 (33 tháng 01 ngày) theo mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 13.836.500 đồng. Tổng số tiền ông Ng, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả là 64.302.500 đồng.

Đối với thời gian yêu cầu tính lãi: xét thấy nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng mua bán có thể hiện thời hạn trả nợ, mức lãi suất khi chậm thực hiện việc trả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn cung cấp giấy có ghi số tiền nợ và có ghi các ngày bị đơn trả nợ. Trong đó, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/11/2022 âm lịch, tức là ngày 08/12/2022 dương lịch bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền gốc 50.466.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày 09/9/2025 là phù hợp.

Đối với lãi suất: theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất như sau: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi trên số nợ gốc 50.466.000 đồng từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử là ngày 09/9/2025 (33 tháng 01 ngày) theo mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 13.836.500 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ do mua thức ăn chăn nuôi tổng cộng là 64.302.500 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 50.466.000 đồng và tiền lãi là 13.836.500 đồng.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 22/8/2025 và đơn xin vắng mặt ngày 27/8/2025, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Võ Văn S và bà Lê Thị Tr cùng liên đới trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị Hồng N.

[4] LỜI phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 64.302.500 đồng x 5% = 3.215.125 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.555.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều 280, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Thúy L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể tuyên: buộc ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N tiền nợ do mua thức ăn chăn nuôi số tiền tổng cộng là 64.302.500 (sáu mươi bốn triệu ba trăm lẻ hai

ngàn năm trăm) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 50.466.000 (năm mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng và tiền lãi là 13.836.500 (mười ba triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Thúy L.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.215.125 (ba triệu hai trăm mười lăm ngàn một trăm hai mươi lăm) đồng;

Bà Nguyễn Thị Hồng N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.555.000 (một triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai số 0011724 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Chiến Trục